

CÂU HỎI ÔN TẬP KÈM TRA 1 TIẾT – KIỂM TRA HỌC KÌ 1
MÔN : GIÁO DỤC CÔNG DÂN- LỚP 10
NĂM HỌC 2016-2017

PHẦN 1
CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Thế giới quan duy vật hay thế giới quan duy tâm có vai trò tích cực trong sự phát triển của xã hội ? Vì sao ?.

Đáp án: Thế giới quan duy vật có vai trò tích cực trong việc phát triển của xã hội vì nó gắn liền với khoa học và có vai trò tích cực trong việc phát triển khoa học, thế giới quan duy vật là cơ sở giúp con người nhận thức và hành động đúng đắn.

Câu 2: Thế nào là phương pháp luận biện chứng và phương pháp luận siêu hình ?.

Đáp án:- Phương pháp luận biện chứng: Xem xét sự vật, hiện tượng trong sự ràng buộc lẫn nhau giữa chúng, trong sự vận động và phát triển không ngừng của chúng.

- Phương pháp luận siêu hình: Xem xét sự vật, hiện tượng một cách phiến diện, chỉ thấy chúng tồn tại trong trạng thái cô lập, không vận động, không phát triển, áp dụng một cách máy móc đặc tính của sự vật này vào sự vật khác.

Câu 3: Thế nào là vận động và phát triển của thế giới vật chất? Cho ví dụ minh họa.

Đáp án:- Vận động là mọi sự biến đổi (biến hoá) nói chung của các sự vật và hiện tượng trong giới tự nhiên và đời sống xã hội.

Ví dụ: Người nông dân đang cày cấy...

- Phát triển là khái niệm dùng để khái quát những vận động theo chiều hướng tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn. Cái mới ra đời thay thế cái cũ, cái tiến bộ ra đời thay thế cái lạc hậu.

Ví dụ: Cây cối lớn lên ra hoa kết quả.

Câu 4: Thế nào là sự thống nhất giữa các mặt đối lập?.

Đáp án: Trong mỗi mâu thuẫn, hai mặt đối lập liên hệ gắn bó với nhau, làm tiền đề tồn tại cho nhau. Triết học gọi đó là sự thống nhất giữa các mặt đối lập.

Câu 5: Thế nào là chất và lượng của sự vật, hiện tượng ? Cho ví dụ minh họa.

Đáp án:- Chất là khái niệm dùng để chỉ những thuộc tính cơ bản, vốn có của sự vật và hiện tượng, tiêu biểu cho sự vật và hiện tượng đó, phân biệt nó với các sự vật và hiện tượng khác.

Ví dụ: Nguyên tố đồng có nguyên tử lượng là 63,54đvC, nhiệt độ nóng chảy là 1083 độ C, nhiệt độ sôi là 2880 độ C...Những thuộc tính (tính chất) này nói lên chất riêng của đồng, phân biệt nó với các kim loại khác.

- Lượng là khái niệm dùng để chỉ những thuộc tính vốn có của sự vật và hiện tượng biểu thị trình độ phát triển (cao, thấp), quy mô (lớn, nhỏ), tốc độ vận động (nhanh, chậm), số lượng (ít, nhiều)...của sự vật và hiện tượng.

Ví dụ: Đối với mỗi quốc gia, lượng là dân số, diện tích lãnh thổ của nước ấy.

Câu 6: Trình bày khái niệm và những đặc điểm cơ bản của phủ định biện chứng?.

Đáp án:- Khái niệm: Phủ định biện chứng là sự phủ định được diễn ra do sự phát triển của bản thân sự vật và hiện tượng, có kế thừa những yếu tố tích cực của sự vật và hiện tượng cũ để phát triển sự vật và hiện tượng mới.

- Những đặc điểm cơ bản của phủ định biện chứng:

+ Tính khách quan

+ Tính kế thừa

Câu 7: Thế nào là khuynh hướng phát triển của sự vật và hiện tượng ?.

Đáp án:Khuynh hướng phát triển của sự vật và hiện tượng là vận động đi lên, cái mới ra đời, kế thừa và thay thế cái cũ nhưng ở trình độ ngày càng cao hơn, hoàn thiện hơn.

Câu 8: Theo triết học duy vật biện chứng, nhận thức là gì ? Gồm những giai đoạn nào ?

Đáp án:- Nhận thức là quá trình phản ánh sự vật, hiện tượng của thế giới khách quan vào bộ óc của con người, để tạo nên những hiểu biết về chúng.

- Gồm 2 giai đoạn:

+ Nhận thức cảm tính.

+ Nhận thức lí tính.

Câu 9: Trình bày vai trò của thực tiễn đối với nhận thức.

Đáp án:

- Thực tiễn là cơ sở của nhận thức.

- Thực tiễn là động lực của nhận thức.

- Thực tiễn là mục đích của nhận thức.

- Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lí.

Câu 10: Chứng minh rằng: Con người là chủ thể của lịch sử.

Đáp án: - Con người tự sáng tạo ra lịch sử của mình.

- Con người là chủ thể sáng tạo nên các giá trị vật chất và tinh thần của xã hội.

- Con người là động lực của các cuộc cách mạng xã hội.

PHẦN 2
CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM
BÀI 1

- Câu 1 :** **Triết học khác với các bộ môn khoa học khác ở điểm nào?**
- A. Nghiên cứu từng lĩnh vực cụ thể.
 - B. Nghiên cứu bộ phận, lĩnh vực riêng biệt nào đó của thế giới.
 - C. Triết học giống các bộ môn khoa học khác.
 - D. Nghiên cứu những vấn đề chung, phổ biến nhất của thế giới.
- Câu 2 :** Quan niệm cho rằng: giữa vật chất và ý thức thì vật chất là cái có trước, cái quyết định ý thức. Thế giới vật chất tồn tại khách quan, độc lập với ý thức con người, không do ai sáng tạo ra, không ai có thể tiêu diệt được thuộc thế giới quan của trường phái triết học nào sau đây:
- A. Duy vật. B. Duy tâm. C. Nhị nguyên luận. D. Phương pháp luận
- Câu 3 :** **Dựa trên cơ sở nào để người ta phân chia thành thế giới quan duy vật và thế giới quan duy tâm?**
- A. Dựa trên cơ sở cách giải quyết vấn đề cơ bản của triết học.
 - B. Dựa trên cơ sở vấn đề cơ bản của triết học.
 - C. Dựa trên cơ sở cách giải quyết mặt thứ hai vấn đề cơ bản của triết học.
 - D. Dựa trên cơ sở cách giải quyết mặt thứ nhất vấn đề cơ bản của triết học.
- Câu 4 :** **Vấn đề cơ bản của Triết học là :**
- A. Quan hệ giữa vật chất và ý thức.
 - B. Quan hệ giữa lí luận và thực tiễn.
 - C. Quan hệ giữa vật chất và vận động.
 - D. Quan hệ giữa phép biện chứng và siêu hình.
- Câu 5 :** Chọn phương án thích hợp điền vào chỗ trống: “...là phương pháp xem xét các sự vật hiện tượng trong mối liên hệ ràng buộc, tác động qua lại lẫn nhau và phát triển không ngừng»
- A. Phương pháp lịch sử.
 - B. Phương pháp luận biện chứng.
 - C. Phương pháp hình thức.
 - D. Phương pháp luận siêu hình.
- Câu 6 :** **Chọn phương án thích hợp điền vào chỗ trống: “... là phương pháp xem xét sự vật hiện tượng trong trạng thái cô lập, tĩnh tại không liên hệ, không phát triển”**
- A. Phương pháp luận biện chứng.
 - B. Phương pháp luận siêu hình.
 - C. Phương pháp luận lôgic.
 - D. Phương pháp thống kê.
- Câu 7 :** **Trong triết học duy vật biện chứng, thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng**
- A. Tồn tại bên cạnh nhau
 - B. Bài trừ nhau
 - C. Thống nhất hữu cơ với nhau
 - D. Tách rời nhau
- Câu 8 :** Để phân biệt chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, người ta căn cứ vào :
- A. Việc con người có nhận thức được thế giới hay không.
 - B. Vấn đề coi trọng lợi ích vật chất hay coi trọng yếu tố tinh thần.
 - C. Quan hệ giữa vật chất và ý thức, cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào quyết định cái nào.
 - D. Việc con người nhận thức thế giới như thế nào.
- Câu 9 :** **Những quy luật chung nhất, phổ biến nhất về sự vận động và phát triển của giới tự nhiên, đời sống xã hội và lĩnh vực tư duy là đối tượng nghiên cứu của:**
- A. Vật lí.
 - B. Triết học.
 - C. Toán học.
 - D. Sử học.
- Câu 10 :** **Trường hợp nào sau đây là phủ định biện chứng?**
- A. Lúa gạo trồng được đem ăn hết
 - B. Luộc quả trứng để ăn

- C. Không chấp nhận bất kỳ hình thức kinh tế nào của Nhà nước tư bản chủ nghĩa.
D. Lai tạo giống cho ra đời loại dưa hấu không hạt.
- Câu 11 : Thế giới quan của con người :**
A. Quan điểm cách nhìn về các sự vật cụ thể
B. Quan điểm cách nhìn về thế giới tự nhiên
C. Quan điểm niềm tin định hướng cho hoạt động của con người trong cuộc sống
D. D. Quan điểm cách nhìn căn bản về thế giới xung quanh
- Câu 12 : Vật chất là cái có trước, ý thức là cái có sau..." .Đây là quan điểm triết học:**
A. Thế giới quan duy tâm. B. Phương pháp luận siêu hình.
C. Thế giới quan duy vật. D. Phương pháp luận biện chứng.
- Câu 13 : Theo quan điểm của thế giới quan duy vật: Ai là người sáng tạo ra thế giới vật chất?**
A. Do thần linh sáng tạo ra. B. Do con người sáng tạo ra.
C. Do ý thức sáng tạo ra. D. Không do ai sáng tạo ra.
- Câu 14 : Quan niệm cho rằng ý thức là cái có trước và là cái sản sinh ra giới tự nhiên, sản sinh ra vạn vật, muôn loài thuộc thế giới quan của trường phái triết học nào ?**
A. Duy tâm. B. Phương pháp luận C. Nhị nguyên luận. D. Duy vật.
- Câu 15 : Triết học Mác được coi là chủ nghĩa duy vật biện chứng vì trong triết học Mác...**
A. Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng thống nhất hữu cơ với nhau.
B. Thế giới quan duy tâm và phương pháp luận siêu hình thống nhất hữu cơ với nhau.
C. Thế giới quan duy tâm và phương pháp luận biện chứng thống nhất hữu cơ với nhau.
D. Thế giới quan duy vật và phương pháp luận siêu hình thống nhất hữu cơ với nhau.

BÀI 3

- Câu 1 : Có bao nhiêu hình thức vận động?**
A. 2 B. 5 C. 4 D. 6
- Câu 2 : Mọi sự biến đổi nói chung của các sự vật, hiện tượng trong giới tự nhiên và xã hội là:**
A. Sự vận động. B. Sự đấu tranh. C. Mâu thuẫn. D. Sự phát triển.
- Câu 3 : Sự biến đổi nào sau đây được coi là phát triển:**
A. Sự thoái hóa của một loài động vật. B. Cái quạt đang quay.
C. Học sinh tích lũy kiến thức suốt 12 năm học D. Nước bốc thành hơi nước, hơi nước đọng thành mưa.
- Câu 4 : Quá trình phát triển của sự vật hiện tượng diễn ra như thế nào?**
A. Đơn giản, thẳng tắp. B. Đơn giản, quá dễ dàng.
C. Quanh co, phức tạp. D. Thụt lùi, tuần hoàn.
- Câu 5 : Sự biến đổi của công cụ lao động từ đồ đá đến kim loại thuộc hình thức vận động**
A. Cơ học B. Hoá học C. Xã hội D. Vật lý
- Câu 6 : Sự biến đổi, thay thế của các xã hội trong lịch sử là hình thức vận động nào?**
A. Vận động hoá học. B. Vận động sinh học.
C. Vận động xã hội. D. Vận động cơ học.
- Câu 7 : Các sự vật, hiện tượng vật chất tồn tại được là do:**
A. Chúng luôn luôn vận động B. Chúng luôn luôn biến đổi
C. Chúng đứng yên D. Sự cân bằng giữa các yếu tố bên trong của sự vật, hiện tượng
- Câu 8 : Hãy điền vào những từ còn thiếu: "... là thuộc tính vốn có, là phương thức tồn**

tại của các sự vật hiện tượng”.

- A. Phát triển. B. Vận động. C. Mâu thuẫn. D. Đấu tranh.

Câu 9 : Chiều hướng nào của sự vận động sau đây là đúng với chiều hướng sự phát triển

- A. Vận động tuần hoàn. B. Vận động tiến lên.
C. Đứng yên tạm thời. D. Vận động thụt lùi.

Câu 10 : Khuynh hướng phát triển của sự vật, hiện tượng là:

- A. Cái mới ra đời tiến bộ, hoàn thiện hơn cái cũ. B. Cái mới ra đời giống như cái cũ.
C. Cái mới ra đời bao hàm cả cái cũ. D. Cái mới ra đời lạc hậu hơn cái cũ.

Câu 11 : Sự vận động theo hướng tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn là:

- A. Sự phát triển B. Sự tuần hoàn C. Sự tiến hoá D. Sự tăng trưởng

Câu 12 : Hình thức vận động cao nhất và phức tạp nhất:

- A. Vận động xã hội B. Vận động hóa học.
C. Vận động lí học. D. Vận động sinh học.

Câu 13 : Hiện tượng thanh sắt bị han gỉ thuộc hình thức vận động nào ?

- A. Cơ học B. Sinh học C. Vật lý D. Hoá học

Câu 14 : Cây ra hoa kết trái thuộc hình thức vận động nào ?

- A. Cơ học B. Hoá học C. Vật lý D. Sinh học

Câu 15 : Sự vận động nào sau đây không phải là sự phát triển ?

- A. Bé gái → thiếu nữ → người phụ nữ trưởng thành → bà già B. Học lực yếu → học lực trung bình → học lực khá
C. Học từ cấp 1 đến cấp 3. D. Nước bốc hơi → mây → mưa → nước

BÀI 4

Câu 1 : Trong các ví dụ sau, ví dụ nào không phải là mâu thuẫn theo quan niệm triết học?

- A. Sự xung đột giữa nhu cầu phát triển kinh tế và yêu cầu bảo vệ môi trường.
B. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.
C. Mâu thuẫn giữa giai cấp thống trị và giai cấp bị trị trong xã hội có giai cấp đối kháng.
D. Mâu thuẫn giữa hai nhóm học sinh do sự hiểu nhầm lẫn nhau,

Câu 2 : Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác, khái niệm mâu thuẫn là :

- A. Những quan điểm tư tưởng, trước sau không nhất quán.
B. Quan hệ đấu tranh lẫn nhau của hai mặt đối lập trong sự vật hiện tượng.
C. Một chỉnh thể, trong đó hai mặt vừa đối lập vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau.
D. Hai mặt vừa đối lập, vừa thống nhất bên trong sự vật, hiện tượng.

Câu 3 : Mặt đối lập của mâu thuẫn là:

- A. Những khuynh hướng, tính chất, đặc điểm... của sự vật mà trong quá trình vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng chúng đi theo chiều hướng trái ngược nhau
B. Những khuynh hướng, tính chất, đặc điểm của sự vật mà trong quá trình vận động của
C. Những khuynh hướng, tính chất, đặc điểm của sự vật mà trong quá trình vận động

của

- D. Những khuynh hướng, tính chất, đặc điểm của sự vật mà trong quá trình vận động của sự vật, hiện tượng, chúng không chấp nhận nhau.

Câu 4 : Câu 9: Xác định các cặp mâu thuẫn.

- A. Giai cấp tư sản với địa chủ, quan lại. B. Giai cấp chủ nô và giai cấp vô sản.
C. Giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. D. Giai cấp nông dân và công nhân.

Câu 5 : *Hiểu như thế nào là đúng về mâu thuẫn triết học ?*

- A. Hai mặt đối lập phải cùng tồn tại trong một chỉnh thể.
B. Các mặt đối lập không cùng nằm trong một chỉnh thể, một hệ thống
C. Một mặt đối lập nằm ở sự vật, hiện tượng này, mặt đối lập kia nằm ở sự vật, hiện tượng khác
D. Hai mặt đối lập cùng tồn tại tách biệt trong một chỉnh thể

Câu 6 : *Hiểu như thế nào là không đúng về sự thống nhất giữa các mặt đối lập của mâu thuẫn triết học?*

- A. Hai mặt đối lập liên hệ, gắn bó với nhau, làm tiền đề tồn tại cho nhau.
B. Hai mặt đối lập hợp lại thành một khối thống nhất.
C. Không có mặt này thì không có mặt kia.
D. Hai mặt đối lập tách rời nhau trong một chỉnh thể.

Câu 7 : *Trong những cặp khái niệm dưới đây cặp nào thể hiện các mặt đối lập theo nghĩa triết học :*

- A. Trắng - đen B. Tiến bộ - lạc hậu C. Trên - dưới D. To - nhỏ

Câu 8 : *Mặt đối lập của mâu thuẫn đó là những khuynh hướng tính chất đặc điểm mà trong quá trình vận động, phát triển của sự vật và hiện tượng chúng phát triển theo những*

- A. Chiều hướng tiến lên. B. Chiều hướng trái ngược nhau
C. Chiều hướng thụt lùi. D. Chiều hướng cùng chiều.

Câu 9 : *Sự đấu tranh giữa các mặt đối lập là :*

- A. Các mặt đối lập luôn tác động, bài trừ gạt bỏ nhau.
B. Các mặt đối lập luôn tác động, gắn bó, gạt bỏ nhau
C. Các mặt đối lập luôn gắn bó, tác động, gạt bỏ, bài trừ lẫn nhau
D. Các mặt đối lập liên hệ mật thiết với nhau.

Câu 10 : *Kết quả của sự đấu tranh giữa các mặt đối lập là :*

- A. Sự vật, hiện tượng bị tiêu vong.
B. Sự vật, hiện tượng cũ được thay thế bằng sự vật hiện tượng mới.
C. Sự vật, hiện tượng không còn các mặt đối lập.
D. Sự vật, hiện tượng không thể giữ nguyên trạng thái cũ.

Câu 11 : *Điều kiện để hình thành một mâu thuẫn là.*

- A. Hai mặt đối lập phủ định nhau trong một sự vật hiện tượng.
B. Hai mặt đối lập đấu tranh với nhau trong một sự vật hiện tượng.
C. Hai mặt đối lập cùng tồn tại trong một sự vật ,hiện tượng.
D. Hai mặt đối lập tách rời nhau trong một sự vật.

Câu 12 : *Mâu thuẫn triết học là:*

- A. Hai mặt đối lập vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau.
B. Hai mặt đối lập đấu tranh với nhau.
C. Hai mặt đối lập ràng buộc nhau, tác động nhau.
D. Hai mặt đối lập thống nhất với nhau.

Câu 13 : Mâu thuẫn chỉ được giải quyết bằng cách nào ?

- A.** Sự điều hoà mâu thuẫn.
B. Sự thương lượng giữa các mặt đối lập.
C. Sự đấu tranh giữa các mặt đối lập.
D. Sống chung với mâu thuẫn.

Câu 14: Khi mâu thuẫn được giải quyết thì có tác dụng như thế nào?

- A.** Sự vật hiện tượng có sự chuyển biến tích cực.
B. Sự vật, hiện tượng phát triển.
C. Sự vật, hiện tượng vẫn tồn tại.
D. Sự vật hiện tượng cũ mất đi và được thay thế bằng một sự vật, hiện tượng khác

Câu 15 : Hai mặt đối lập liên hệ gắn bó với nhau, là tiền đề tồn tại cho nhau. Triết học gọi là.....

- A.** Mâu thuẫn
- B.** Sự thống nhất giữa các mặt đối lập
- C.** Mặt đối lập của mâu thuẫn
- D.** Không mâu thuẫn

BÀI 5

Câu 1 : C. Mác viết “Những thay đổi đơn thuần về lượng đến một mức độ nhất định sẽ chuyển hoá thành sự khác nhau về chất”. Trong câu này Mác bàn về:

- A.** Cách thức vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng.
B. Nguồn gốc, động lực của sự vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng.
C. Xu thế phát triển của sự vật, hiện tượng.
D. Khuynh hướng vận động phát triển của sự vật, hiện tượng.

Câu 2 : Em không đồng ý với quan điểm nào trong các quan điểm sau : Đề tạo ra sự biến đổi về chất trong học tập, rèn luyện thì học sinh cần phải:

- A.** Kiên trì, nhẫn nại, không chùn bước trước những vấn đề khó khăn
B. Tích lũy dần dần
C. Học từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp
D. Cái dễ thì không cần phải học tập vì ta đã biết và có thể làm được

Câu 3 : Sự biến đổi về lượng chỉ dẫn tới sự biến đổi về chất khi:

- A.** Lượng biến đổi đến một giới hạn nhất định phá vỡ sự thống nhất giữa chất và lượng.
B. Lượng biến đổi đến điểm nút thì dừng lại
C. Lượng biến đổi đến điểm nút và tiếp tục biến đổi
D. Lượng biến đổi trong giới hạn của độ

Câu 4: Trong những câu dưới đây, câu nào không thể hiện mối quan hệ lượng đổi dẫn đến chất đổi

- A.** Đánh bừa sang ao.
- B.** Có công mài sắt có ngày nên kim.
- C.** Kiến tha lâu cũng đầy tổ.
- D.** Nhổ một sợi tóc thành hói.

Câu 5 : Để phân biệt một sự vật, hiện tượng này với một sự vật, hiện tượng khác, người ta căn cứ vào:

- A.** Thuộc tính của sự vật, hiện tượng. **B.** Lượng của sự vật, hiện tượng.
C. Chất của sự vật, hiện tượng. **D.** Quy mô của sự vật, hiện tượng.

Câu 6 : Giữa sự biến đổi về lượng và sự biến đổi về chất thì:

- A.** Lượng biến đổi chậm, chất biến đổi nhanh chóng
B. Cả chất và lượng cùng biến đổi nhanh chóng.
C. Cả chất và lượng cùng biến đổi từ từ
D. Chất biến đổi chậm, lượng biến đổi nhanh chóng

Câu 7 : Khoảng giới hạn mà trong đó sự biến đổi về lượng chưa dẫn tới sự biến đổi về chất của sự vật, hiện tượng:

- A. Bước nhảy B. Độ C. Điểm nút D. Lượn g

Câu 8 : Mặt chất và mặt lượng trong mỗi sự vật, hiện tượng luôn.

- A. Tách rời nhau.
- B. Thống nhất với nhau.
- C. Ở bên cạnh nhau.
- D. Hợp thành một khối.

Câu 9 : Điểm giống nhau giữa chất và lượng thể hiện ở chỗ chúng đều:

- A. Thể hiện trình độ vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng
- B. Là cái để phân biệt các sự vật, hiện tượng với nhau.
- C. Là thuộc tính cơ bản vốn có của các sự vật, hiện tượng.
- D. Là những thuộc tính cơ bản phân biệt cho sự vật, hiện tượng.

BÀI 6

Câu 1 : Theo em, khi những người thợ phá bỏ một ngôi nhà cũ, đó là biểu hiện của:

- A. Vận động.
- B. Sự phát triển của hạ tầng xã hội.
- C. Phủ định biện chứng.
- D. Phủ định siêu hình.

Câu 2 : Theo quan điểm duy vật biện chứng, nguyên nhân của sự phủ định:

- A. Nằm giữa cái cũ và cái mới.
- B. Nằm ngay trong bản thân sự vật.
- C. Nằm ngoài bản thân sự vật.
- D. Nằm trước cái mới.

Câu 3 : Nguyên nhân làm cho xã hội phát triển từ thấp đến cao nằm ở

- A. Ý chúa.
- B. Con người.
- C. Ý muốn của các vĩ nhân.
- D. Ngay trong bản thân xã hội

Câu 4 : Trong cuộc đời một con gà, gà con nở ra từ quả trứng là biểu hiện của:

- A. Phủ định sạch trơn
- B. Phủ định siêu hình
- C. Sự sinh trưởng.
- D. Phủ định biện chứng

Câu 5 : Phủ định siêu hình là sự phủ định được diễn ra do sự can thiệp, tác động từ:

- A. Bên ngoài sự vật hiện tượng.
- B. Bản thân sự vật, hiện tượng.
- C. Bên trong sự vật, hiện tượng.
- D. Sự phát triển của sự vật, hiện tượng.

Câu 6 : Theo triết học Mác-Lênin, cái mới, cái tiến bộ ra đời trên cơ sở:

- A. Kế thừa tất cả thành phần của cái cũ.
- B. Gạt bỏ mặt tiêu cực của cái cũ.
- C. Rũ bỏ hoàn toàn cái cũ.
- D. Xóa bỏ hoàn toàn cái cũ.

Câu 7 : Khuynh hướng phát triển tất yếu của sự vật và hiện tượng là quá trình:

- A. Phủ định của phủ định.
- B. Phủ định sạch trơn.
- C. Phủ định cái cũ.
- D. Phủ định.

Câu 8 : Cái mới theo nghĩa Triết học là:

- A. Cái mới lạ so với cái trước.
- B. Cái phức tạp hơn cái trước.
- C. Cái ra đời sau tiên tiến hơn, hoàn thiện hơn cái trước.
- D. Cái ra đời sau so với cái trước.

Câu 9 : Đâu không phải là đặc trưng của sự phủ định biện chứng ?

- A. Là sự phủ định có tính khách quan.
- B. Cái mới ra đời có sự kế thừa những yếu tố tiến bộ, tích cực của cái cũ.
- C. Cái mới ra đời phủ định hoàn toàn cái cũ.
- D. Nguyên nhân của sự phủ định nằm bên trong sự vật, hiện tượng.

Câu 10 : Phủ định biện chứng có hai đặc điểm cơ bản là:

- A. Mang tính khách quan và kế thừa.
- B. Mang tính kế thừa và phát triển.
- C. Mang tính kế thừa và phổ biến.
- D. Mang tính khách quan và phổ biến.

Câu 11 : Phủ định biện chứng là sự phủ định được diễn ra do:

- A. Xóa bỏ sự vật, hiện tượng nào đó
- B. Sự phát triển của bản thân sự vật.

- C. Sự vật, hiện tượng mới xuất hiện. D. Tác động, cản trở từ bên ngoài.
- Câu 12 : Xét từ góc độ triết học, phủ định được hiểu là:**
- A. Bỏ qua một sự vật nào đó. B. Bác bỏ một cái gì đó.
C. Xóa bỏ một sự vật nào đó. D. Phủ nhận một điều gì đó.
- Câu 13 : Cái mới ra đời là kết quả của quá trình giải quyết mâu thuẫn trong lòng cái cũ, được gọi là:**
- A. Phủ định. B. Phủ định siêu hình.
C. Phủ định biện chứng. D. Phủ định sạch trơn.
- Câu 14 : Khái niệm dùng để chỉ việc xóa bỏ sự tồn tại của sự vật, hiện tượng là gì ?**
- A. Phủ định B. Phủ định biện chứng C. Phủ định siêu hình D. Diệt vong
- Câu 15 : Sẽ không có sự phát triển nếu:**
- A. Cái cũ không mất đi. B. Cái mới, cái tiến bộ không xuất hiện.
C. Cái mới thay thế cái cũ. D. Cái cũ được thay thế bởi cái mới.

BÀI 7

- Câu 1 : Nhờ biết chế tạo và sử dụng công cụ lao động con người đã tự sáng tạo ra :**
- A. Lịch sử của mình. B. Lịch sử.
C. Các thời đại. D. Các sản phẩm.
- Câu 2 : Hoạt động sản xuất ra của cải vật chất của con người đảm bảo cho xã hội không ngừng :**
- A. Phát triển hơn. B. Đi lên và phát triển.
C. Tồn tại và thông minh. D. Tồn tại và phát triển.
- Câu 3 : Thực tiễn là cơ sở, là động lực và là mục đích của:**
- A. Con người. B. Nhận thức.
C. Cuộc sống. D. Kết quả nhận thức.
- Câu 4 : Nhận thức cảm tính giúp con người nhận thức sự vật, hiện tượng một cách:**
- A. Khái quát và trừu tượng. B. Cụ thể và sinh động.
C. Chủ quan, máy móc. D. Cụ thể và máy móc.
- Câu 5 : Thông qua việc chế tạo ra công cụ lao động con người đã tự sáng tạo ra lịch sử xã hội và tự sáng tạo ra :**
- A. Các giá trị vật chất. B. Lịch sử của chính mình.
C. Các giá trị tinh thần. D. Các công trình vật chất.
- Câu 6 : Thực tiễn là những hoạt động:**
- A. Vật chất nói chung. B. Chân tay của con người.
C. Vật chất có mục đích. D. Sản xuất vật chất.
- Câu 7 : Lịch sử loài người được bắt đầu khi con người biết :**
- A. Chế tạo công cụ lao động. B. Ăn chín uống sôi.
C. Làm nhà để ở. D. Sử dụng cung tên và lửa.
- Câu 8 : Đối với con người, hoạt động sản xuất ra của cải vật chất là :**
- A. Đặc trưng. B. Đặc thù nhất.
C. Đặc trưng riêng. D. Đặc biệt nhất.
- Câu 9 : Thực tiễn đã góp phần làm cho:**
- A. Con người hiểu biết hơn. B. Con người thông minh hơn.
C. Nhận thức không ngừng phát triển. D. Con người nhận thức đúng đắn hơn.

- Câu 10 :** Để hoạt động học tập, lao động đạt hiệu quả cao đòi hỏi phải luôn:
- A. Phát huy kinh nghiệm của bản thân. B. Đọc thật nhiều sách vở.
C. Gắn học tập với vui chơi. D. Gắn lý thuyết với thực hành.
- Câu 11 :** Đối với nhận thức, thực tiễn có vai trò là:
- A. Động cơ. B. Nguyên nhân.
C. Nguồn lực. D. Động lực.
- Câu 12 :** Nhận thức cảm tính cung cấp cho nhận thức lí tính những:
- A. Tài liệu cảm tính. B. Tài liệu đúng đắn.
C. Tài liệu cụ thể. D. Hình ảnh cảm tính.
- Câu 13 :** Con người là chủ thể sáng tạo nên các giá trị :
- A. Vật chất và tinh thần của xã hội. B. Vật chất to lớn của xã hội.
C. Văn hóa tinh thần của xã hội. D. Kinh tế của xã hội.
- Câu 14 :** Nhằm tạo ra của cải vật chất để nuôi sống xã hội, con người đã không ngừng
- A. Phải lao động. B. Phải đấu tranh.
C. Tác động vào tự nhiên. D. Phải tiến hóa.
- Câu 15 :** Con người là chủ thể của lịch sử cho nên sự phát triển của xã hội phải :
- A. Vì con người. B. Của con người.
C. Thuộc về con người. D. Do con người.

BÀI 9

- Câu 1 :** Nhằm tạo ra của cải vật chất để nuôi sống xã hội, con người đã không ngừng
- A. Phải tiến hóa. B. Phải đấu tranh.
C. Phải lao động. D. Tác động vào tự nhiên.
- Câu 2 :** Trong những xã hội sau đây, sự phát triển của xã hội nào được coi là vì con người ?
- A. Xã hội tư bản chủ nghĩa. B. Xã hội chiếm hữu nô lệ.
C. Xã hội phong kiến. D. Xã hội xã hội chủ nghĩa.
- Câu 3 :** Khi con người đầu tiên xuất hiện thì :
- A. Lịch sử xã hội đã phát triển. B. Lịch sử xã hội cũng bắt đầu.
C. Lịch sử xã hội chưa bắt đầu. D. Lịch sử loài người sắp diễn ra.
- Câu 4 :** Lịch sử loài người được bắt đầu khi con người biết :
- A. Chế tạo công cụ lao động. B. Sử dụng cung tên và lửa.
C. Làm nhà để ở. D. Ăn chín uống sôi.
- Câu 5 :** Con người là chủ thể sáng tạo nên các giá trị :
- A. Vật chất và tinh thần của xã hội. B. Kinh tế của xã hội.
C. Vật chất to lớn của xã hội. D. Văn hóa tinh thần của xã hội.
- Câu 6 :** Một xã hội vì con người phải là một xã hội mà ở đó có sự thống nhất giữa
- A. Văn minh và văn hóa. B. Văn minh và phát triển
C. Văn minh và nhân đạo. D. Phát triển kinh tế và văn hóa.
- Câu 7 :** Nhờ biết chế tạo và sử dụng công cụ lao động con người đã tự sáng tạo ra :
- A. Lịch sử của mình. B. Lịch sử.
C. Các sản phẩm. D. Các thời đại.
- Câu 8 :** Xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, mọi người có cuộc sống tự do, hạnh phúc, mọi người có điều kiện phát triển toàn diện là mục tiêu cao cả của :
- A. Mọi xã hội. B. Chủ nghĩa tư bản.
C. Tất cả mọi người. D. Chủ nghĩa xã hội.
- Câu 9 :** Thông qua việc chế tạo ra công cụ lao động con người đã tự sáng tạo ra lịch sử

xã hội và tự sáng tạo ra :

- A. Các giá trị tinh thần. B. Lịch sử của chính mình.
C. Các công trình vật chất. D. Các giá trị vật chất.

Câu 10 : Sự vật, hiện tượng nào sau đây do con người sáng tạo ra ?

- A. Hồ Tây. B. Sông Hương - Núi Ngự.
C. Công chiêng Tây Nguyên. D. Động Phong Nha.

Câu 11 : Con người là chủ thể của lịch sử cho nên sự phát triển của xã hội phải :

- A. Vì con người. B. Do con người.
C. Của con người. D. Thuộc về con người.

Câu 12 : Việc làm nào sau đây được coi là vì con người ?

- A. Thải khí độc gây hiệu ứng nhà kính. B. Buôn bán ma túy.
C. Chặt rừng phòng hộ. D. Tiêm chủng cho trẻ em.

Câu 13 : Đối với các cuộc cách mạng xã hội nổ ra trong lịch sử, con người chính là :

- A. Lực lượng nòng cốt. B. Mục đích.
C. Mục tiêu. D. Động lực.

Câu 14 : Xây dựng một xã hội ở đó con người được sống trong tự do và hạnh phúc là khát vọng :

- A. Ngàn đời của nhân loại. B. Của cha ông chúng ta.
C. Của tất cả mọi người. D. Của một số ít người.

Câu 15 : Thông qua quá trình lao động con người đã không ngừng :

- A. Lớn lên hơn. B. Tiến hóa và hoàn thiện hơn.
C. Phát triển đông đúc hơn. D. Giàu có hơn.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM MÔN : GIÁO DỤC CÔNG DÂN 10

Câu	Bài 1	Bài 3	Bài 4	Bài 5	Bài 6	Bài 7	Bài 9
01	D	B	D	A	D	A	B
02	A	A	C	D	B	D	D
03	B	C	A	A	D	B	B
04	A	C	C	D	D	B	A
05	B	C	A	C	A	B	A
06	B	C	D	A	B	C	C
07	C	A	B	B	A	A	A
08	C	B	B	B	C	C	D
09	B	B	A	C	C	C	B
10	D	A	B		A	D	C
11	C	A	C		B	D	A
12	C	B	A		C	C	D
13	D	D	C		C	A	C
14	A	D	D		A	B	C
15	A	D	B		B	A	B